

Số: 9964/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022
Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn
ISO 15189:2022
Thuộc dự toán mua sắm Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ tiêu chuẩn ISO 17025:2017 Yêu cầu chung về năng lực của các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn đã được ban hành vào ngày 29/11/2017;

Căn cứ tiêu chuẩn ISO 15189: 2022 Phòng xét nghiệm y tế - Các yêu cầu về chất lượng và năng lực đã được ban hành ngày 06/12/2022 thay thế cho tiêu chuẩn ISO 15189: 2012;

Căn cứ Quyết định số 8127/QĐ-BVT ngày 31/12/2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Dự toán thu – chi năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 7899/QĐ-BVĐKBN2 ngày 08/10/2025 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022;

Căn cứ Quyết định số 9738/QĐ-BVĐKBN2 ngày 19/12/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022;

Căn cứ Quyết định số 9777/QĐ-BVĐKBN2 ngày 22/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt dự toán gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022;

Căn cứ Quyết định số 9778/QĐ-BVĐKBN2 ngày 22/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt giá gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022;

Căn cứ Quyết định số 9842/QĐ-BVĐKBN2 ngày 23/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022;

Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng giữa Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 và Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ y sinh ngày 25/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Tên gói thầu: Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022.
- Tên đơn vị trúng thầu: Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ y sinh
- Giá gói thầu: **104.570.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tư triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng./.)
- Danh mục hàng hóa trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Giao phòng Tài chính kế toán, phòng Vật tư căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng phòng vật tư, các khoa/ phòng/ trung tâm liên quan và các nhà thầu trúng thầu căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh BN, SYT BN;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

Gói thầu: Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022

Thuộc dự toán mua sắm: Hiệu chuẩn các thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022

(Kèm theo Quyết định số 9964/QĐ-BVĐKBN2 ngày 26/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

| STT | Danh mục dịch vụ | Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|---------------------|---|----------|-------------|---------------|-------------------|
| 1 | Micropipet | - Hiệu chuẩn dung tích. - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 09 | Cái | 450.000 | 4.050.000 |
| 2 | Tủ an toàn sinh học | Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc HEPA cấp - Hiệu suất lọc HEPA thải - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió hút vào tủ - Đo tốc độ gió thổi xuống bề mặt - Đo độ rọi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 07 | Cái | 3.220.000 | 22.540.000 |

| | | | | | | |
|---|----------------|---|----|-----|-----------|------------------|
| 3 | Tủ sạch | <p>Thử nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu suất lọc HEPA cấp - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió thổi xuống bề mặt làm việc - Đo độ rọi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 02 | Cái | 2.600.000 | 5.200.000 |
| 4 | Máy ly tâm | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay ≥ 5 mức - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 05 | Cái | 660.000 | 3.300.000 |
| 5 | Tủ ẩm | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm nhiệt) - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 04 | Cái | 800.000 | 3.200.000 |
| 6 | Tủ sấy | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm nhiệt) - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 02 | Cái | 800.000 | 1.600.000 |
| 7 | Tủ lạnh âm sâu | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu chuẩn nhiệt độ (1-2 điểm nhiệt) - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 03 | Cái | 1.100.000 | 3.300.000 |

| | | | | | | |
|---|----------------------------|---|----|-----|-----------|--------------------|
| 8 | Nhiệt ẩm kế | - Hiệu chuẩn nhiệt độ, độ ẩm. - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 09 | Cái | 600.000 | 5.400.000 |
| 9 | Nhiệt kế | - Hiệu chuẩn nhiệt độ - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 36 | Cái | 1.100.000 | 39.600.000 |
| 10 | Pipet thuỷ tinh bầu loại A | - Hiệu chuẩn dung tích - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 06 | Cái | 880.000 | 5.280.000 |
| 11 | Nồi hấp | - Thử nghiệm dùng BI và CI - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 03 | Cái | 2.800.000 | 8.400.000 |
| 12 | Tủ lạnh trữ máu | - Hiệu chuẩn nhiệt độ - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 02 | Cái | 800.000 | 1.600.000 |
| 13 | Cân điện tử | - Hiệu chuẩn khối lượng - Hiệu chuẩn thiết bị theo tiêu chuẩn ISO 15189:2022 - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017 | 01 | Cái | 1.100.000 | 1.100.000 |
| Tổng cộng: | | | | | | 104.570.000 |
| <i>(Số tiền bằng chữ: Một trăm linh tư triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng./.)</i> | | | | | | |